

Số: 88/2024/QĐST-HNGĐ

Hạ Long, ngày 26 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, các khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 71/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1988

Địa chỉ: khu L, phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

2/Anh Mai Ngọc T1, sinh năm 1983

Địa chỉ: tổ D, khu A, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Tạm trú: số H, đường N, phường H, TP ., tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Mai Ngọc T1 tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 06/12/2016, nên hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị T và anh T1 chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Mặc dù hai bên đã rất cố gắng, hai bên gia đình đã tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T và anh T1 đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã hết và cùng có đơn yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T1. Xét

thấy, việc chị T và anh T1 thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Mai Ngọc T1 có 01 con chung là: Mai Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 10/02/2020. Nay ly hôn vợ chồng thỏa thuận chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc con chung đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thỏa thuận nêu trên của chị T và anh T1 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Mai Ngọc T1 không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc thỏa thuận nêu trên giữa chị T và anh T1 là tự nguyện, phù hợp với quyền tự quyết định và định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh chị thỏa thuận chị T có nghĩa vụ nộp toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 (*bảy*) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 18/4/2024), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Mai Ngọc T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: giao con chung Mai Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 10/02/2020 cho chị Nguyễn Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T1 có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Mai Ngọc T1 không có tài sản chung, không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Phương T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ đi số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng lệ phí chị T đã

nộp theo biên lai thu số 0000608 ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Chị T đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND TP.Hạ Long;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *Chi cục THADS TP. Hạ Long;*
- *UBND phường Minh Thành, thị xã Quảng Yên;*
- *Lưu: Hồ sơ việc dân sự.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Định